

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

Hải Phòng - Tháng 3 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Anh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Việt	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Ủy viên
Bà Đào Thị Tâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Anh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 25 tháng 02 năm 2013



Số. 28 /VACO HP/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 02 năm 2013, từ trang 04 đến trang 23. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

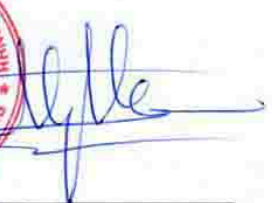
Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.




Nguyễn Hồng Hiền
Giám đốc Chi nhánh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1117/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY KIỂM TOÁN VACO
TẠI HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 11 tháng 03 năm 2013


Lương Thị Thuý
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1148/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		49.909.659.510	47.117.589.172
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	27.837.858.105	17.919.406.252
1. Tiền	111		16.837.858.105	5.919.406.252
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	12.000.000.000
II. Phải thu ngắn hạn	130		18.598.918.141	27.125.398.247
1. Phải thu khách hàng	131		13.811.687.334	27.042.488.015
2. Trả trước cho người bán	132		20.000.000	20.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	5	4.767.230.807	62.910.232
III. Hàng tồn kho	140	6	1.767.287.770	1.867.542.335
1. Hàng tồn kho	141		1.767.287.770	1.867.542.335
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.705.595.494	205.242.338
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	164.618.572	125.742.338
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	8	1.511.976.922	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		29.000.000	79.500.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		69.936.711.828	59.971.673.743
I. Tài sản cố định	220		15.212.646.818	13.172.885.863
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	15.209.125.660	13.070.535.016
- Nguyên giá	222		31.013.450.974	27.010.149.187
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.804.325.314)	(13.939.614.171)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	3.521.158	11.441.756
- Nguyên giá	228		49.690.000	49.690.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(46.168.842)	(38.248.244)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	-	90.909.091
II. Bất động sản đầu tư	240	12	9.883.809.508	10.484.510.920
- Nguyên giá	241		14.837.227.918	14.837.227.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.953.418.410)	(4.352.716.998)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		44.034.050.000	35.307.720.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	44.034.050.000	35.307.720.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		806.205.502	1.006.556.960
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	738.812.996	915.378.861
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	67.392.506	91.178.099
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		119.846.371.338	107.089.262.915

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		48.512.734.067	41.981.859.906
I. Nợ ngắn hạn	310		45.327.534.067	38.701.917.908
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	30.292.879.587	21.704.748.864
2. Phải trả người bán	312		7.299.280.208	4.527.406.721
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	2.186.961.326	4.810.279.599
4. Phải trả công nhân viên	315		3.041.127.313	5.477.895.880
5. Chi phí phải trả	316		69.059.700	70.400.828
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	1.344.716.770	1.304.121.267
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.093.509.163	807.064.749
II. Nợ dài hạn	330		3.185.200.000	3.279.941.998
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	741.000.000	711.555.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	2.428.000.000	1.524.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	799.610.638
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		16.200.000	244.776.360
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		71.333.637.271	65.107.403.009
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	21	71.333.637.271	65.107.403.009
1. Vốn điều lệ	411		46.514.230.000	40.787.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.644.240.000	14.644.240.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.385.072.642	2.885.072.642
4. Quỹ Dự phòng tài chính	418		2.165.145.953	1.650.270.953
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.624.948.676	5.139.919.414
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		119.846.371.338	107.089.262.915

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. Ngoại tệ các loại

	31/12/2012	01/01/2012
USD	101,04	100,80



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT

Hải Phòng, ngày 25 tháng 02 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	315.958.442.858	347.542.890.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		315.958.442.858	347.542.890.147
4. Giá vốn hàng bán	11	23	283.006.796.340	310.086.613.317
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		32.951.646.518	37.456.276.830
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	616.078.609	1.317.963.306
7. Chi phí tài chính	22	25	3.413.615.876	3.442.621.542
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.361.885.216	3.398.735.187
8. Chi phí bán hàng	24		15.930.541.715	19.336.451.262
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.412.758.363	3.761.140.396
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		10.810.809.173	12.234.026.936
11. Thu nhập khác	31		2.641.940.420	1.768.053.585
12. Chi phí khác	32		120.941.717	255.170.806
13. Lợi nhuận khác	40	26	2.520.998.703	1.512.882.779
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.331.807.876	13.746.909.715
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.310.512.207	3.368.304.486
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		23.785.593	23.785.593
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		9.997.510.076	10.354.819.636
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.241	2.562



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	360.748.088.307	381.526.904.489
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(278.251.916.331)	(306.116.657.271)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(37.988.679.121)	(44.080.926.989)
Tiền chi trả lãi vay	04	(3.363.226.344)	(3.362.619.581)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.799.462.486)	(3.145.832.343)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.036.736.876	5.253.028.977
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(26.721.347.878)	(19.342.807.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.660.193.023	10.731.089.742
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.503.489.542)	(3.754.458.600)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	700.000	178.838.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.726.330.000)	(17.307.720.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	641.479.437	1.347.516.363
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.587.640.105)	(19.535.824.237)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (*)	32	5.726.330.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101.047.675.291	82.721.869.942
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(91.555.544.568)	(76.273.879.448)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.372.561.400)	(8.157.580.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.845.899.323	(1.709.589.506)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	9.918.452.241	(10.514.324.001)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.919.406.252	28.433.539.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(388)	190.809
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	27.837.858.105	17.919.406.252



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp trực thuộc Cảng Hải Phòng, thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 2714/2000/QĐ-BGTVT ngày 18/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000025 ngày 18 tháng 10 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 1 ngày 25/02/2004, lần 2 ngày 16/03/2006, lần 3 ngày 10/4/2007, lần 4 ngày 23/10/2007, lần 5 ngày 05/02/2008, lần 6 ngày 15/08/2009, lần 7 ngày 23/02/2010, lần 8 ngày 12/04/2010, lần 9 ngày 22/03/2011, lần 10 ngày 01/02/2013.

Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận Kinh doanh là 46.514.230.000 đồng, vốn thực góp đến ngày 31/12/2012 là 46.514.230.000 đồng.

Trong đó:

- Vốn Nhà nước chiếm 6,92% tổng số Vốn Điều lệ, tương đương 3.217.500.000 đồng (321.750 cổ phần).
- Vốn các cổ đông khác chiếm 93,08% tổng số Vốn Điều lệ, tương đương 43.296.730.000 đồng (4.329.673 cổ phần).

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2012 là 932 người (tại ngày 01/01/2012 là 944 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh và dịch vụ hàng hải (bao gồm: Vận tải thủy, vận tải đường bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá và cung ứng hàng hải); Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt, xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại; Đại lý tàu biển; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ và đường thủy; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thang máy; Sửa chữa thiết bị điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Sửa chữa nhà, xưởng, kho tàng; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo; Bán lẻ đồ uống; Cung ứng lao động tạm thời; Giáo dục nghề nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh và dịch vụ hàng hải (bao gồm: Bốc xếp, giao nhận hàng hoá và cung ứng hàng hải); Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt; Dịch vụ vệ sinh tàu biển.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), ngày 6 tháng 11 năm 2009 về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Do đó, các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính này vẫn được trình bày theo giá gốc. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí sửa chữa được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguồn vốn

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu Công ty là vốn góp của cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập Doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	142.726.983	230.669.760
Tiền gửi ngân hàng	16.695.131.122	5.688.736.492
Các khoản tương đương tiền (*)	11.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	27.837.858.105	17.919.406.252

(*) Phán ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền và Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**
Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển		
Dịch vụ Cảng Hải Phòng (*)	4.736.776.000	-
Phải thu khác	30.454.807	62.910.232
Cộng	4.767.230.807	62.910.232

(*) Phản ánh khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng mượn theo các giấy biên nhận tiền.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.723.346	32.944.122
Hàng hoá	1.728.564.424	1.834.598.213
Cộng	1.767.287.770	1.867.542.335
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.767.287.770	1.867.542.335

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 01/01	125.742.338	160.820.169
Tăng trong năm	406.024.136	620.188.495
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong năm	(367.147.902)	(655.266.326)
Tại ngày 31/12	164.618.572	125.742.338

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	39.698.922	-
Tiền thuê đất	1.472.278.000	-
Cộng	1.511.976.922	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	14.310.344.132	9.524.735.032	2.706.043.116	469.026.907	27.010.149.187
Mua trong năm	38.528.490	584.853.009	-	25.295.455	648.676.954
XDCD bàn giao	3.472.515.130	-	-	-	3.472.515.130
Thanh lý, nhượng bán	(17.712.500)	(72.921.433)	-	(27.256.364)	(117.890.297)
Tại ngày 31/12/2012	17.803.675.252	10.036.666.608	2.706.043.116	467.065.998	31.013.450.974
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	6.818.243.982	4.866.477.022	1.992.778.040	262.115.127	13.939.614.171
Khấu hao trong năm	766.459.346	815.544.143	286.944.492	103.333.305	1.972.281.286
Thanh lý, nhượng bán	(11.789.274)	(68.524.505)	-	(27.256.364)	(107.570.143)
Tại ngày 31/12/2012	7.572.914.054	5.613.496.660	2.279.722.532	338.192.068	15.804.325.314
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	7.492.100.150	4.658.258.010	713.265.076	206.911.780	13.070.535.016
Tại ngày 31/12/2012	10.230.761.198	4.423.169.948	426.320.584	128.873.930	15.209.125.660

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị quản lý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng lần lượt là 2.359.234.835 đồng, 3.151.371.879 đồng, 379.970.780 đồng, 142.252.015 đồng.

Tại ngày 31/12/2012, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay là 9.701.685.511 đồng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán	Phần mềm nhân sự	Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	15.000.000	19.000.000	15.690.000	49.690.000
Tại ngày 31/12/2012	15.000.000	19.000.000	15.690.000	49.690.000
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	15.000.000	16.361.118	6.887.126	38.248.244
Khấu hao trong năm	-	2.638.882	5.281.716	7.920.598
Tại ngày 31/12/2012	15.000.000	19.000.000	12.168.842	46.168.842
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2012	-	2.638.882	8.802.874	11.441.756
Tại ngày 31/12/2012	-	-	3.521.158	3.521.158

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01/01	90.909.091	133.409.091
Tăng trong năm	3.472.515.130	3.827.452.100
Kết chuyển sang tài sản cố định trong năm	(3.472.515.130)	(3.869.952.100)
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(90.909.091)	-
Tại ngày 31/12	-	90.909.091

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	14.837.227.918	14.837.227.918
Tại ngày 31/12/2012	14.837.227.918	14.837.227.918
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	4.352.716.998	4.352.716.998
Khấu hao trong năm	600.701.412	600.701.412
Tại ngày 31/12/2012	4.953.418.410	4.953.418.410
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2012	10.484.510.920	10.484.510.920
Tại ngày 31/12/2012	9.883.809.508	9.883.809.508

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Góp vốn (*)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng HP	44.034.050.000	35.307.720.000
Cộng	44.034.050.000	35.307.720.000

(*) Theo Quyết định số 05/QĐHĐQT ngày 10/05/2008 và Quyết định số 06/QĐHĐQT ngày 22/05/2009 của Hội đồng quản trị, Công ty đã quyết định góp vốn theo cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng với số tiền là 84 tỷ đồng, chiếm 60% vốn Điều lệ. Đến ngày 31/12/2012, Công ty đã góp 44.034.050.000 đồng tương đương với 52,42% số vốn cam kết. Công ty con đang trong thời gian xây dựng cơ bản, mặc dù kết quả kinh doanh của Công ty con năm 2012 lỗ nhưng đây là lỗ theo kế hoạch nên Công ty không phải trích lập dự phòng.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01/01	915.378.861	1.347.875.945
Tăng trong năm	553.386.691	173.600.000
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong năm	(729.952.556)	(606.097.084)
Tại ngày 31/12	738.812.996	915.378.861

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	67.392.506	91.178.099
Cộng	67.392.506	91.178.099

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	29.116.879.587	21.008.748.864
Ngân hàng Công thương-CN Ngô Quyền (1)	19.130.646.832	19.833.748.864
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN-CN Đông HP (2)	7.653.232.755	-
Vay cá nhân (3)	2.333.000.000	1.175.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.176.000.000	696.000.000
Ngân hàng Công thương-CN Ngô Quyền (4)	1.176.000.000	696.000.000
Cộng	30.292.879.587	21.704.748.864

(1) Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-HM/2012 ngày 21/12/2012; Hạn mức 20 tỷ đồng; Lãi suất 12%/năm với khoản vay bằng VND, được điều chỉnh theo thông báo thay đổi lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng; Thời hạn trả nợ theo thời hạn ghi trên giấy nhận nợ; Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ vật kiến trúc được xây dựng trên 3.244m² đất thuê tại địa chỉ số 2B Hoàng Diệu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng gồm 1 cửa hàng ăn, nhà coi xe và các công trình phụ trợ trên đất, giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 308656 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/08/2001 và toàn bộ vật kiến trúc được xây dựng trên 5.258 m² đất thuê tại địa chỉ số 4 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng gồm: Khu văn phòng làm việc 02 tầng, nhà nghỉ 05 tầng, nhà làm việc 8 tầng cho thuê và các công trình phụ trợ trên đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 308655 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/08/2001.

(2) Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 4568045.001/2012/HĐ ngày 13/06/2012; Hạn mức 10.000.000.000 đồng, giải ngân theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất được xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Cổng 2 đường Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB538533 và N308659. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 12.884.008.320 đồng.

(3) Vay của các cá nhân theo các hợp đồng cho vay với lãi suất bằng lãi suất cộng phí cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền, có điều chỉnh theo lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng.

(4) Xem thuyết minh 20.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	552.189.119	1.289.924.911
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.634.772.207	1.123.722.486
Thuế thu nhập cá nhân	-	57.992.202
Tiền thuê đất	-	2.338.640.000
Cộng	2.186.961.326	4.810.279.599

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	28.836.230	136.819.576
Bảo hiểm xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp	497.235.516	373.804.919
Cổ tức phải trả	643.500.000	643.500.000
Quỹ công đoàn, đảng phí	43.305.000	113.424.000
Các khoản phải trả khác	131.840.024	36.572.772
Cộng	1.344.716.770	1.304.121.267

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhận tiền đặt cọc (*)	741.000.000	711.555.000
Cộng	741.000.000	711.555.000

(*) Phản ánh số tiền nhận đặt cọc của các công ty về tiền thuê Văn Phòng.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<i>Vay dài hạn</i>		
Ngân hàng Công thương Việt Nam-CN Ngô Quyền (1)	2.428.000.000	1.524.000.000
Cộng	2.428.000.000	1.524.000.000

(1) Phản ánh khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 10/01/2011, theo đó tổng số tiền vay là 2.800.000.000 đồng, thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất được điều chỉnh theo thông báo thay đổi lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng; Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ vật kiến trúc được xây dựng trên 3.244m² đất thuê tại địa chỉ số 2B Hoàng Diệu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng gồm 1 cửa hàng ăn, nhà coi xe và các công trình phụ trợ trên đất, giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 308656 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/08/2001 và toàn bộ vật kiến trúc được xây dựng trên 5.258 m² đất thuê tại địa chỉ số 4 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng gồm: Khu văn phòng làm việc 02 tầng, nhà nghỉ 05 tầng, nhà làm việc 8 tầng cho thuê và các công trình phụ trợ trên đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 308655 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/08/2001, trị giá 43.392.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2012 số dư khoản vay này là 1.524.000.000 đồng trong đó có 696.000.000 đồng được trình bày tại thuyết minh số 16 "Vay và nợ ngắn hạn"

- Hợp đồng tín dụng số 01/HETD/2012 ngày 22/08/2012, theo đó tổng số tiền vay là 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất được điều chỉnh theo thông báo thay đổi lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng; Khoản vay được đảm bảo bằng 01 Tòa nhà Tầng Lợi 05 tầng, 01 toàn nhà Tầng Đạt 08 tầng, các công trình phụ trợ khác tại số 4 mặt đường Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng và 01 nhà ăn ca 2 tầng cổng 4, các công trình phụ trợ khác tại số 2B mặt đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 43.392.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2012 số dư khoản vay này là 2.080.000.000 đồng trong đó có 480.000.000 đồng được trình bày tại thuyết minh số 16 "Vay và nợ ngắn hạn".

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09 - DN

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Khoản vay này được trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.176.000.000	696.000.000
Trong vòng hai năm	1.176.000.000	696.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.252.000.000	828.000.000
Sau năm năm	-	-
Cộng	3.604.000.000	2.220.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)	(1.176.000.000)	696.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	2.428.000.000	1.524.000.000

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	36.325.050.000	12.412.815.000	2.385.072.642	1.101.772.105	5.504.966.954	57.729.676.701
Góp vốn trong năm	4.462.850.000	2.231.425.000	-	-	-	6.694.275.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.354.819.636	10.354.819.636
Phân chia lợi nhuận	-	-	500.000.000	548.498.848	(2.504.966.954)	(1.456.468.106)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.157.580.000)	(8.157.580.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(57.320.222)	(57.320.222)
Tại ngày 31/12/2011	40.787.900.000	14.644.240.000	2.885.072.642	1.650.270.953	5.139.919.414	65.107.403.009
Góp vốn trong năm (1)	5.726.330.000	-	-	-	-	5.726.330.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.997.510.076	9.997.510.076
Phân chia lợi nhuận (2)	-	-	500.000.000	514.875.000	(2.139.919.414)	(1.125.044.414)
Chia cổ tức (3)	-	-	-	-	(8.372.561.400)	(8.372.561.400)
Tại ngày 31/12/2012	46.514.230.000	14.644.240.000	3.385.072.642	2.165.145.953	4.624.948.676	71.333.637.271

(1) Vốn góp tăng trong năm phản ánh tổng số vốn đã huy động của các cổ đông hiện hữu theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 09/04/2012 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng. Theo đó, tổng số cổ phiếu đã chào bán thành công là: 572.633 cổ phiếu tương đương 5.726.330.000 đồng.

(2) Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 18/03/2012, Công ty chia cổ tức năm 2011 là 20%/cổ phần (số cổ tức này đã được chi tạm ứng từ năm 2011). Đồng thời Công ty thực hiện phân chia phần lợi nhuận còn lại của năm 2011 như sau:

- Quỹ Đầu tư phát triển	500.000.000 VND
- Quỹ Dự phòng tài chính	514.875.000 VND
- Quỹ Khen thưởng	516.119.414 VND
- Quỹ phúc lợi	300.000.000 VND
- Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành	308.925.000 VND

(3) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị ngày 14/11/2012 quyết định tạm ứng cổ tức lần 1 từ lợi nhuận năm 2012 là 18%/cổ phần tương đương 8.372.561.400 đồng. Việc phân chia lợi nhuận năm 2012 của Công ty sẽ được Đại hội đồng cổ đông của Công ty chính thức thông qua trong năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn đã góp đến 31/12/2012		Vốn đã góp đến 01/01/2012	
	VND	%	VND	%
Cổ đông nhà nước	3.217.500.000	6,92%	3.217.500.000	7,89%
Ông Hà Văn Tiến	6.915.180.000	14,87%	6.240.180.000	15,30%
Công ty TNHH Vận tải Hà Phương	8.084.820.000	17,38%	8.084.820.000	19,82%
Các đối tượng khác	28.296.730.000	60,83%	23.245.400.000	56,99%
Cộng	46.514.230.000	100%	40.787.900.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2012 (Cổ phiếu)	01/01/2012 (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu	4.651.423	4.078.790
Số lượng cổ phiếu phổ thông	4.651.423	4.078.790
Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.651.423	4.078.790
	31/12/2012 (VND/CP)	01/01/2012 (VND/CP)
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	255.530.959.663	273.309.548.251
Doanh thu dịch vụ	60.427.483.195	74.233.341.896
Cộng	315.958.442.858	347.542.890.147

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng bán	245.946.820.510	262.797.036.915
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	37.059.975.830	47.289.576.402
Cộng	283.006.796.340	310.086.613.317

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**
Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	525.461.931	1.090.066.132
Cổ tức, lợi nhuận được chia	90.616.678	227.061.851
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	835.323
Cộng	616.078.609	1.317.963.306

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	3.361.885.216	3.398.735.187
Chi phí hợp đồng hợp tác kinh doanh	28.402.608	31.896.155
Chi phí tài chính khác	23.328.052	11.990.200
Cộng	3.413.615.876	3.442.621.542

26. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	636.364	162.580.000
Thu nhập khác	2.641.304.056	1.605.473.585
Cộng thu nhập khác	2.641.940.420	1.768.053.585
<i>Chi phí khác</i>		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	10.320.154	233.306.573
Phạt hành chính	60.000.000	12.512.450
Chi phí khác	50.621.563	9.351.783
Cộng chi phí khác	120.941.717	255.170.806
Lợi nhuận khác	2.520.998.703	1.512.882.779

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.331.807.876	13.746.909.715
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(90.616.678)	(227.061.851)
Trừ: Chi phí chênh lệch tạm thời năm trước	(95.142.372)	(95.142.372)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	96.000.000	48.512.450
Cộng : Chi phí chênh lệch tạm thời không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	13.242.048.826	13.473.217.942
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	3.310.512.207	3.368.304.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.310.512.207	3.368.304.486

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	9.997.510.076	10.354.819.636
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	4.460.545	4.041.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.241	2.562

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong thông tư 210, do đó các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính kỳ này vẫn được trình bày theo giá gốc. Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản vay	32.720.879.587	23.228.748.864
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(27.837.858.105)	(17.919.406.252)
Nợ thuần	4.883.021.482	5.309.342.612
Vốn chủ sở hữu	71.333.637.271	65.107.403.009
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	6,85%	8,15%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN-Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.837.858.105	17.919.406.252
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.598.918.141	27.125.398.247
Đầu tư tài chính dài hạn	44.034.050.000	35.307.720.000
Tổng cộng	90.470.826.246	80.352.524.499
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	32.720.879.587	23.228.748.864
Phải trả người bán và phải trả khác	9.384.996.978	5.238.961.721
Tổng cộng	42.105.876.565	28.467.710.585

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.837.858.105	-	27.837.858.105
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.598.918.141	-	18.598.918.141
Đầu tư tài chính dài hạn		44.034.050.000	44.034.050.000
Tổng cộng	46.436.776.246	44.034.050.000	90.470.826.246
31/12/2012			
Các khoản vay	30.292.879.587	2.428.000.000	32.720.879.587
Phải trả người bán và phải trả khác	8.643.996.978	741.000.000	9.384.996.978
Tổng cộng	38.936.876.565	3.169.000.000	42.105.876.565
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.499.899.681	40.865.050.000	48.364.949.681

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. THÔNG TIN KHÁC

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2011
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	58,36	56,00
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	41,64	44,00
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	40,48	39,20
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	59,52	60,80
2. Khả năng thanh toán tổng quát			
2.1 Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,47	2,55
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn	lần	1,10	1,22
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,61	0,46
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	4,22	3,96
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	3,16	2,98
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	11,12	12,84
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,34	9,67
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	%	14,02	15,90

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán.



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT